TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐP** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS- ST
Ngày: 29- 03- 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật.

Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/TLST - DS ngày 18 tháng 05 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST- DS ngày 20/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST- DS ngày 18/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB; Địa chỉ trụ sở: LK 7-24, khu đô thị mới Tân Tây Đô, xã TL, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M, chức vụ: Giám đốc. có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Tạ Đức Th và Luật sư Nguyễn Văn H1, Công ty Luật Hợp danh ThL thuộc Đoàn Luật sự Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Bà Uông Thị H, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT: Phố TS, thị trấn Ph, huyện ĐP, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 9, thôn TrĐ, xã HM, huyện ĐP, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đinh Thị Thu H1, thuộc Công ty Luật TNHH V và toàn cầu, Đoàn Luật sự Thành phố Hà Nội; có mặt

Luật sư Nguyễn Hữu H2, thuộc Công ty Luật TNHHMTV PhS, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn H3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Cụm 9, thôn TrĐ, xã HM, huyện ĐP, thành phố Hà Nội; xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Lại Đức L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 40 tổ 1, đường ĐQ, phường Quan H, quận CG, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 03/7/2018 chị Uông Thị H có vay của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB (sau đây gọi tắt là Công ty PB) số tiền 300.000.000 đồng để đầu tư kinh doanh. Khi vay, phiếu chi không ghi thời hạn vay và lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về thời hạn và lãi suất. Theo đó, về thời hạn trả nợ, hai bên có thỏa thuận với nhau là khi nào Công ty PB cần lấy lại tiền thì sẽ báo trước cho chị H một thời gian hợp lý là một tháng. Về lãi suất, các bên thỏa thuận với nhau là tính theo lãi suất cho vay của ngân hàng kể từ thời điểm cho vay (trùng ngày viết phiếu chi) đến thời điểm trả nợ. Sau khi vay khoảng 3 tháng, ông M là giám đốc công ty PB đã báo cho chị H biết là một tháng sau phải trả khoản nợ bao gồm nợ gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, khi đến hạn chị H không khất nợ cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Nhiều lần Công ty PB đã yêu cầu nhưng chị H đều trốn tránh không trả. Vì vậy, Công ty PB khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị H trả cho Công ty PB số tiền đã vay là 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Uông Thị H trình bày: Chị và ông M, giám đốc Công ty PB, có quan hệ hợp tác làm ăn nên vợ chồng chị đã cho ông M mượn sổ đỏ để thế chấp vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tây Hồ. Đổi lại, Công ty PB cho chị vay 300.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, khi nào ông M trả lại sổ đỏ thì chị sẽ trả lại Công ty PB số tiền 300.000.000 đồng. Cho đến nay ông M chưa trả chị sổ đỏ nên chị cũng chưa trả tiền cho Công ty PB. Số tiền chị vay của Công ty PB chị đã sử dụng vào việc làm nhà.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của ông M, chị không đồng ý trả lãi vì khi vay các bên không thỏa thuận lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn H3 trình bày: Anh là chồng chị H. Anh không có quen biết và không có mối quan hệ gì với ông Hoàng Văn M và Công ty PB nhưng anh biết vợ anh có thời gian làm việc tại Công ty PB. Vào khoảng năm 2019, chị H có trao đổi với anh việc cho Công ty PB mượn sổ đỏ đứng tên hai vợ chồng để thế chấp cho Công ty PB vay tiền ngân hàng. Do tin tưởng vợ nên anh đồng ý. Anh không biết giữa chị H và ông M hay Công ty PB có thỏa thuận nào khác liên quan đến việc vợ chồng anh cho Công ty PB mượn sổ đỏ hay không. Anh cũng không biết việc chị H vay

tiền của Công ty PB và sử dụng số tiền vay đó vào việc gì. Việc chị H khai đã sử dụng tiền vay để làm nhà thì anh khẳng định tại thời điểm đó vợ chồng anh không xây dựng nhà cửa gì. Anh chỉ biết, cùng thời gian đó bố, mẹ đẻ chị H có làm nhà nhưng chị H có đem tiền đưa cho bố mẹ chị hay không thì anh không biết. Nay, công ty PB khởi kiện đòi chị H trả tiền, anh khẳng định anh không có liên quan đến khoản nợ của chị H vay Công ty PB, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng, ông Lại Đức L trình bày: Chị H và ông M giám đốc Công ty PB có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên ông M có thỏa thuận với chị H cho Công ty mượn sổ đỏ để thế chấp vay Ngân hàng và Công ty cho chị H vay lại 300 triệu. Ông là thành viên Hội đồng quản trị thấy việc đó không phù hợp nên không đồng ý. Ông yêu cầu nếu chị H muốn vay tiền của công ty thì phải trả tiền lãi cho công ty bằng lãi suất ngân hàng như lãi suất mà công ty phải trả khi vay ngân hàng. Khi đến hạn công ty tất toán khoản vay với ngân hàng thì chị H cũng phải trả toàn bộ khoản vay cho công ty. Về thời hạn trả lãi, chị H cũng sẽ trả tiền lãi cho công ty hàng tháng tương ứng với thời gian công ty phải trả lãi cho ngân hàng. Bản chất của sự việc chính là chị H "vay ké" 300 triệu đồng của ngân hàng cùng với Công ty PB. Do đó, số tiền lãi chị H phải trả sẽ tính theo tỷ lệ của số tiền lãi mà Công ty đã trả ngân hàng trên số tiền 300 triệu. Chị H đồng ý với thỏa thuận đó. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng.

Tòa án đã xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tây Hồ (Agribank Chi nhánh Tây Hồ), kết quả Ngân hàng cho biết: hiện tại, toàn bộ dư nợ của khách hàng là Công ty PB liên quan đến Hợp đồng thế chấp QSD đất lập ngày 26/6/2018 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Tây Hồ (bên nhận thế chấp) với ông Đào Văn H3, bà Uông Thị H (bên thế chấp) theo Hợp đồng công chứng số 2668/2018 lập tại Văn phòng công chứng Hà Nội, đã tất toán hết. Các bên vẫn chưa tiến hành việc xóa đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bản chính GCNQSD đất số CH 701524 ngày 23/4/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường cấp cho người sử dụng đất là ông Đào Văn H3, bà Uông Thị H hiện vẫn do Agribank Chi nhánh Tây Hồ quản lý.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX xác định Hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất và buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 300 triệu đồng nợ gốc và 110 triệu đồng nợ lãi.

Bị đơn trình bày, bị đơn có cho Công ty PB mượn GCNQSD đất của mình để thế chấp cho nguyên đơn vay tiền tại Ngân hàng. Việc cho mượn không thỏa thuận thù lao. Chị chỉ có yêu cầu là khi nào chị làm nhà chị cần tiền thì chị sẽ được vay lại khoảng từ 50% trở lên số tiền mà Công ty vay được của Ngân hàng trên số tài sản mà chị thế chấp. Ông M, giám đốc của Công ty đã hứa với chị là khi nào cần tiền cứ nói với ông. Đến tháng 7 năm 2018, chị có hỏi vay ông M tiền, lúc đó ông M nói với chị là ông M không có đủ nên sẽ lấy tiền của Công ty PB đưa cho chị. Sau đó vài ngày chị mới đến Công ty để ký nhận vào Phiếu chi của Công ty. Lúc ông M đưa tiền cho chị ông M không nhắc đến bao

giờ trả và tiền lãi thế nào. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX xác định Hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi và đồng ý trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi.

Người làm chứng trình bày: Tại thời điểm các bên thống nhất về việc chị H cho Công ty PB mượn sổ đỏ để thế chấp vay tiền của Ngân hàng, ông có yêu cầu nếu chị H vay lại tiền của Công ty PB thì sẽ phải trả lãi cho Công ty bằng lãi suất ngân hàng mà Công ty phải trả. Tuy nhiên, tại thời điểm Công ty xuất tiền cho chị H vay 300 triệu đồng thì các bên không gặp lại nhau và không có thêm thỏa thuận gì nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là Hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300 triệu đồng và tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm 03 tháng kể từ ngày bị đơn nhận được Thông báo thụ lý vụ án của nguyên đơn. Về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

[1.1] Công ty PB có đơn khởi kiện yêu cầu chị Uông Thị H phải trả nợ số tiền gốc đã vay và lãi suất, chị H cư trú tại xã HM, huyện ĐP, vì vậy, căn cứ các quy định tại theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Giao dịch giữa Công ty PB và chị Uông Thị H được xác lập từ ngày 03/7/2018, thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực, do vậy khi xảy ra tranh chấp, Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết về nội dung tranh chấp.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Phiếu chi lập ngày 03/7/2018; căn cứ Điều 429 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015, ngày 22/12/2020, nguyên đơn khởi kiện là đúng thời hiệu.

[1.4] Về người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn khai số tiền vay đã sử dụng vào việc làm nhà. Vì vậy, Tòa án đưa anh Đào Văn H3 là chồng chị H vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét về nghĩa vụ trả nợ.

Đối với Agribank chi nhánh Tây Hồ, mặc dù bị đơn cũng có yêu cầu Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do có liên quan đến GCNQSD đất số CH 701524 ngày 23/4/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường cấp cho người sử dụng đất là ông Đào Văn H3, bà Uông Thị H hiện do Agribank Chi nhánh Tây Hồ quản lý. Tuy nhiên, xét thấy GCNQSD đất trên do chị H, anh Hạnh tự nguyện giao cho Agribank Chi nhánh Tây Hồ quản lý là đối tượng của Hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo HĐTD của Công ty PB với ngân hàng. GCNQSD đất này sẽ được xử lý khi xử lý HĐTD. Vì vậy, Agribank Chi nhánh Tây Hồ không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[1.5] Các đương sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn H3 có lời trình bày xin được vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và Phiếu chi có chữ ký, chữ viết của người nhận tiền là chị Uông Thị H đủ căn cứ xác định: Ngày 03/7/2018, chị Uông Thị H đã nhận của Công ty PB số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trên cơ sở Hợp đồng vay. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện chị H yêu cầu trả nợ số tiền 300 triệu đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2]. Về nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù chị H khai số tiền 300 triệu vay của nguyên đơn chị đã sử dụng vào việc xây nhà nhưng chồng chị H là anh Hạnh đã khẳng định trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian chị H vay tiền của nguyên đơn thì vợ chồng anh không hề xây nhà mà chỉ có bố mẹ đẻ của chị H xây nhà. Anh hoàn toàn không biết gì về khoản nợ trên và cũng không biết chị H có đưa tiền cho bố mẹ chị dùng vào việc làm nhà hay không. Mặt khác, người đại diện của nguyên đơn cũng khẳng định chỉ cho chị H vay tiền và khởi kiện buộc chị H phải trả tiền. Do đó, không đủ căn cứ để buộc anh Đào Văn H3 cùng có nghĩa vụ trả khoản nợ trên.

[2.3]. Về thời hạn trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện nguyên đơn trình bày các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể, khi nào nguyên đơn cần tiền thì báo trước cho bị đơn 1 tháng. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày các bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng. Tuy nhiên, ngoài lời khai này thì không có chứng cứ nào khác chứng minh việc các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Theo bị đơn thì, do trước đó vợ chồng chị đã cho Công ty PB mượn sổ đỏ để thế chấp vay tiền Agribank Chi nhánh Tây Hồ nên hai bên đã thỏa thuận khi nào Công ty PB trả sổ đỏ cho vợ chồng chị thì chị mới phải trả tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy bị đơn khai thời hạn trả nợ được hai bên xác định khi nguyên đơn trả cho bị đơn GCNQSD đất mà bị đơn đã cho nguyên đơn mượn để thế chấp tại Agribank Chi nhánh Tây Hồ. Nhưng, xét thấy việc thế chấp của bị đơn để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn chỉ được giải chấp khi nguyên đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và các bên thực hiện xóa đăng ký thế chấp tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, thời hạn

này cũng không xác định được cụ thể và không thể làm căn cứ để xác định thời hạn trả nợ của các bên. Vì vậy, khẳng định hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc loại Hợp đồng vay không kỳ hạn.

[2.4]. Về lãi suất: Theo lời khai của người đại diện nguyên đơn thì các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất theo đó lãi suất của khoản vay tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng tính từ thời điểm cho vay đến thời điểm trả nợ. Theo bị đơn thì hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm Hợp đồng tín dụng giữa Công ty PB với Agribank chi nhánh Tây Hồ và Hợp đồng thế chấp giữa ông Đào Văn H3 và bà Uông Thị H với Agribank chi nhánh Tây Hồ, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù khi thỏa thuận về việc chị H đồng ý dùng sổ đỏ của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty PB các bên có nói đến việc khi nào chị H cần tiền thì Công ty sẽ cho chị H vay và việc vay sẽ phải trả lãi. Tuy nhiên, HĐXX đánh giá những lời trao đổi này hoàn toàn chỉ là mang tính dự định. Khi chị H hỏi vay ông M tiền và ông M lấy nguồn tiền từ Công ty PB đưa cho chị H vay, ông L có biết nhưng các bên không gặp gỡ để thống nhất với nhau về thời hạn trả nợ và lãi suất cụ thể. Bản thân ông M cũng không thỏa thuận gì với chị H về nội dung này. Hơn nữa, trong suốt thời gian kể từ ngày chị H ký nhận vào Phiếu chi tiền của Công ty, chị H cũng không trả đồng tiền lãi nào nhưng Công ty và ông L cũng không có ý kiến gì. Do đó không có căn cứ để chấp nhận lời khai của đại diện nguyên đơn về việc khoản vay có thỏa thuận lãi suất.

[2.5]. Từ những phân tích nêu trên xác định được Hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là loại Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự thì nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Thời gian hợp lý, theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, được xác định là 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận được thông báo. Do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ từ khi nào nên Tòa án căn cứ từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo cho bị đơn biết thì được coi như nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn biết phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu bị đơn không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được thông báo thì sẽ bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, bị đơn sẽ phải chịu lãi suất chậm trả bằng 10%/năm. Thời hạn bắt đầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 24/8/2021 (là ngày hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày bị đơn nhận được Thông báo của Tòa án về việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn) trên số tiền chậm trả tại thời điểm xét xử (ngày 29/03/2022) tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc. Như vậy, số tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là: 300.000.000 x 10%/năm x 07 tháng 01 ngày = 17.583.000 đồng (số tiền bằng chữ: mười bảy triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[2.6]. Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 317.583.000 đồng (số tiền bằng chữ: ba trăm mười bảy triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

[2.7]. Đối với GCNQSD đất số CH 701524 ngày 23/4/2018, do Sở tài nguyên và Môi trường cấp cho người sử dụng đất là ông Đào Văn H3, bà Uông Thị H hiện vẫn do Agribank Chi nhánh Tây Hồ quản lý do chị H và anh Hạnh tự nguyện giao cho Ngân hàng quản lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản. Mọi quyền, nghĩa vụ của bị đơn liên quan đến GCNQSD đất mà bị đơn giao cho ngân hàng quản lý sẽ được giải quyết khi giải quyết Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và Agribank Chi nhánh Tây Hồ. Do vậy, chị H và anh Hạnh muốn nhận lại bản chính GCNQSD đất thì phải liên hệ với Agribank Chi nhánh Tây Hồ để thực hiện việc xóa đăng ký thế chấp nếu nghĩa vụ bảo đảm đã chấm dứt.

[3] Về án phí: nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là (110.000.000 đồng - 17.583.000 đồng) x 5% = 4.620.800 đồng.

Chị Uông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 317.583.000 đồng x 5% = 15.879.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB đối với chị Uông Thị H.

Buộc chị Uông Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB tổng số tiền là 317.583.000 đồng (số tiền bằng chữ: ba trăm mười bảy triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 17.583.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Uông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.879.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

- Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB phải chịu 4.620.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.250.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002544 ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường PB số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hà